

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN TRUNG TRỰC

ĐỀ ÔN LUYỆN TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5 – VÒNG 18

ĐỀ 1

Bài 1: Phép thuật mèo con

Vàng	Nhà	Mây	Vân	Lâu
Trạch	Gác	Thạch	Giảm	úa
Hèo	Kim	Gió	Héo	đá
Rõ	Bớt	Phong	Gậy	Tỏ

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Con bão dữ dội, bất ngờ nổi lên. Những đợt sóng khủng khiếp phá thủng thân tàu, nước..... vào khoang như vòi rồng.” (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.133)

- A - ập
- B – chảy
- C – phun
- D – xối

Câu hỏi 2: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Những vùng cây xanh bỗng òa tươi trong nắng sớm. Ánh đèn từ muôn vàn ô vuông cửa sổ đi rất nhanh và thừa thớt tắt.” (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr. 132)

- A – tan
- B – loãng
- C – lan
- D – thoáng

Câu hỏi 3: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

*“Hà Nội có chong chóng
Cứ tự quay trong nhà
Không cần trờigió
Không cần bạn chạy xa.”*

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.37)

- A – nổi
- B – gom
- C – đỏi
- D – góp

Câu hỏi 4: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Bọn trẻ xua xua tay vào ngọn khói và hát câu đồng dao cổ nghe vui tai:

Khói vềăn cơm với cá
Khói vềlấy đá chập đầu.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr .104)

- A – rúa – ri
- B – ni – tê
- C – tê – ni
- D – ri – rúa

Câu hỏi 5: Chọn cặp từ đồng nghĩa phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Rồi đến chị rất thương
Rồi đến em rất thảo
Ôngnhư hạt gạo
Bà như suối trong.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.41)

A – đẹp – tốt

B – hiền – lành

C – lành – hiền D – tốt – đẹp

Câu hỏi 6: Chọn các từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Trai mà chi, gái mà chi
Sinh con có có là hơn.”

A – đạo – hiếu

B – nghĩa – tình

C – nghĩa – ngì

D – nghĩa – nghi

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “.....mỡ gà, ai có nhà thì chông”

A – Ráng

B – Vàng

C – Mây

D – Nắng

Câu hỏi 8: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Bởibác mẹ tôi nghèo
Cho nên tôi phải bằm bèo, thái khoai.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.33)

A – tại

B – vì

C – chung

D – chung

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Từ đầu thế kỉ XIX đến sau năm 1945, ở một số vùng, người ta mặc áo dài kể cả khi lao động nặng nhọc. Áo dài phụ nữ có hai loại: áo và áo.....” (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.122)

A – tứ thân – tám thân

B – tứ thân – năm thân

C – tân thời – cách tân

D – mớ ba – mớ bảy

Câu hỏi 10: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Nhấttinh nhất thân vinh.”

A – nghiệp

B – đại

C – nghề

D – nghệ

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1: Lưu lại đã lâu không giải quyết, xử lí được là nghĩa của từ nào?

A – lưu vong

B – lưu bút

C – lưu giữ

D – lưu cữu

Câu hỏi 2: Đây là tên kinh đô thứ hai của nhà TRẦN, nơi đây còn được gọi là Thành Nam?

A – Hà Nam

B – Nam Định

C – Nam Hà

D – Thái Bình

Câu hỏi 3: Ai là tác giả của bài đọc: “Lập làng giữ biển”? (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.36)

A – Hữu Mai

B – Nguyễn Đồng Chi

C – Trần Nhuận Minh

D – Đoàn Minh Tuấn

Câu hỏi 4: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Vượt hai con sông hùng vĩ của miền Bắc, qua đất núi nhu nhú như chín mươi chín cái bánh bao tày đình, băng qua dãy Hoàng Liên Sơn hiểm trở, chọc thủng xong mấy dặm sương mù buốt óc thì lộ lộ bên phải là đỉnh Phan - xi - păng.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.58)

A – Sa Pa

B – Tam đường

C – Ô Quy Hồ

D – Mơ – nông

Câu hỏi 5: Tiếng “nu” không thể đứng sau cụm từ nào?

A – xe đạp.....

B – thi sĩ

C – bóng đá

D – bệnh nhân ...

Câu hỏi 6: Ai là tác giả của bài đọc “Chú đi tuần”? (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.52)

A – Đào Nguyên Bảo

B – Trần Ngọc

C – Hữu Mai

D – Quang Huy

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Tiếng động cơ nổ giòn. Chưa đầy nửa giờ sau, anh đã hòa lẫn vào dòng người giữa phố phường”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.62)

A – huyền ảo

- B – tập nập
- C – náo nhiệt
- D – đông đúc

Câu hỏi 8: Cặp quan hệ từ nào phù hợp với chỗ trống trong câu sau:

*“Bầu ơi thương lấy bí cùng
..... rằng khác giống chung một giàn.”*

- A – Vì – nên
- B – Tuy – nhưng
- C – Không những – mà còn
- D – Nếu – thì

Câu hỏi 9: Trạng ngữ trong câu: “Bằng một giọng thân tình, thầy khuyên chúng em gắng học bài, làm bài tập đầy đủ.” là trạng ngữ chỉ gì?

- A – nơi chốn
- B – nguyên nhân
- C – phương tiện
- D – thời gian

Câu hỏi 10: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

*“Đường tuần tra lên chóp Hai ngàn
Gió vù vù quét ngang cành búa
Trông xa xa ánh lửa
Vật vờ đầu súng sương sa.*

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.48)

- A – bập bùng
- B – lập lòe
- C – nhập nhòa
- D – rùng rục

ĐỀ 2

Bài 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Chết còn hơn sống nhục.

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Rộng lượng, thứ tha cho người có lỗi được gọi là

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Chết đứng còn hơn sống

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Thông thả và được yên ổn, không phải khó nhọc, vất vả thì gọi là

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Vượt hẳn lên trên những cái tầm thường, nhỏ nhen về phẩm chất, tinh thần thì được gọi là

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Ham hoạt động, hăng hái và chủ động trong các công việc chung thì được gọi là

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Không giữ kín, mà để mọi người đều có thể biết thì được gọi là

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Mạnh bạo, gan góc, không sợ nguy hiểm thì được gọi là

Câu hỏi 9: Điền từ hô ứng thích hợp vào chỗ trống:

Gió to, con thuyền càng lướt nhanh trên mặt biển.

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Lối sống và nếp nghĩ đã hình thành từ lâu đời và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thì được gọi là

Bài 2: Phép thuật mèo con.

Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành đôi.

Dương	Khuyến	Gió	Mây	Tẩu
Điền	Địa	Lão	Đồng	Trạch
Đất	Nhà	Già	Vân	Trẻ
Chạy	Phong	Ruộng	Chó	Dê
Quy	Khánh	Còn	Phúc	Tồn
Về				

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỂN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1: Từ “mục” trong các từ “mục nước biển”, “lọ mục”, “cá mục” “khăng khăng một mục”, có quan hệ với nhau như thế nào?

- A - Đồng âm
- B - Đồng nghĩa
- C - Trái nghĩa
- D - Nhiều nghĩa

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ

*"Gió khô ô ...
Gió đẩy cánh buồm đi
Gió chẳng bao giờ mệt!"*

- A - Đồng ruộng
- B - Cửa sổ
- C - Cửa ngõ
- D - Muối trắng

Câu hỏi 3: Trong các cặp từ sau, cặp nào là cặp từ đồng nghĩa?

- A - béo - gầy
- B - biếu - tặng
- C - bút - thước
- D - trước - sau

Câu hỏi 4: Những câu thơ sau do tác giả nào viết?

*"Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy."*

- A - Nguyễn Thi
- B - Nguyễn Đình Thi
- C - Đoàn Thị Lam Luyện
- D - Lâm Thị Mỹ Dạ

Câu hỏi 5: Trong câu thơ "Sao đang vui vẻ ra buồn bã/ Vừa mới quen nhau đã lạ lòng." có những từ trái nghĩa nào?

- A - Vui – buồn
- B - Mới – đã
- C - Vui vẻ - buồn bã và quen – lạ lòng
- D - Đang vui – đã lạ lòng

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, những từ nào là từ láy?

- A - Bạn bè, bạn đường, bạn đọc
- B - Hư hỏng, san sẻ, gấn bó
- C - Thật thà, vui vẻ, chăm chỉ
- D - Giúp đỡ, giúp sức

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào chỉ trạng thái yên ổn, tránh được rủi ro, thiệt hại?

- A - an toàn
- B - an ninh
- C - an tâm
- D - an bài

Câu hỏi 8: Trong đoạn thơ sau, có những cặp từ trái nghĩa nào?

*"Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời"*

*Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa"*

- A - Bay, sa, thoảng
- B - Trong- đục
- C - Trong - đục, khoan – mau
- D - Sa nửa vời – mau sầm sập

Câu hỏi 9: Từ "ông" trong câu " Thời gian như lắng đọng khi ông mãi lặng yên đọc đi, đọc lại những dòng chữ nguệch ngoạc của con mình" thuộc loại từ gì?

- A - đại từ
- B - động từ
- C - danh từ
- D - tính từ

Câu hỏi 10: Trong các câu sau, câu nào có từ "bà" là đại từ?

- A - Bà Lan năm nay 70 tuổi.
- B - Bà ơi, bà có khỏe không?
- C - Tôi về quê thăm bà tôi.
- D - Tiếng bà dịu dàng và trầm bổng.

ĐỀ 3

Bài 1: Phép thuật mèo con.

Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành đôi.

Dương	Khuyên	Gió	Mây	Tầu
Điền	Địa	Lão	Đồng	Trạch
Đất	Nhà	Già	Vân	Trẻ
Chạy	Phong	Ruộng	Chó	Dê
Quy	Khánh	Còn	Phúc	Tồn
Về				

Bài 2. Hồ con thiên tài

Câu 1. ó/ uồ / nh/ n/ ng

.....

Câu 2. oan/ ng/ kh/ d/ u

.....

Câu 3. Không / xa./ là/ đường/ nẻo/ gian

.....

Câu 4. ra/ Thời/ tận/ vô/ sắc/ màu. / mở/ gian

.....

Câu 5. đôi / nắng / đẫm / trời/ Với/ cánh

.....

Câu 6. bay/đời / trọn/ ong / đến / Bầy/ hoa. / tìm

.....

Câu 7. đất/ của / con. / ngày /là/ tháng / nước, / Mẹ

.....

Câu 8. ăn/ngon/Ngày/nằm/say./miệng,/ngủ/đêm

.....

Câu 9. điều/Vì/khỏ/con,/mẹ/đủ

.....

Câu 10. nhãn./Quan/nếp/đôi/nhiều/mắt/đã/mẹ

.....

Bài 3: Điền từ

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Chết còn hơn sống nhục.

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Rộng lượng, thứ tha cho người có lỗi được gọi là

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Chết đứng còn hơn sống

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Thong thả và được yên ổn, không phải khó nhọc, vất vả thì gọi là

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Vượt hẳn lên trên những cái tầm thường, nhỏ nhen về phẩm chất, tinh thần thì được gọi là

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Ham hoạt động, hăng hái và chủ động trong các công việc chung thì được gọi là

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Không giữ kín, mà để mọi người đều có thể biết thì được gọi là

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Mạnh bạo, gan góc, không sợ nguy hiểm thì được gọi là

Câu hỏi 9: Điền từ hô ứng thích hợp vào chỗ trống:

Gió to, con thuyền càng lướt nhanh trên mặt biển.

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Lối sống và nếp nghĩ đã hình thành từ lâu đời và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thì được gọi là

Bài 4: Trắc nghiệm 1

Câu hỏi 1: Từ “mực” trong các từ “mực nước biển”, “lọ mực”, “cá mực” “khăng khăng một mực”, có quan hệ với nhau như thế nào?

A - Đồng âm B - Đồng nghĩa C - Trái nghĩa D - Nhiều nghĩa

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ

"Gió khô ô ...

Gió đẩy cánh bướm đi

Gió chẳng bao giờ mệt!"

A - Đồng ruộng B - Cửa sổ C - Cửa ngõ D - Muối trắng

Câu hỏi 3: Trong các cặp từ sau, cặp nào là cặp từ đồng nghĩa?

A - béo - gầy B - biểu - tặng C - bút - thước D - trước - sau

Câu hỏi 4: Những câu thơ sau do tác giả nào viết ?

"Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội

Những phố dài xao xác hơi may

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy."

A - Nguyễn Thi

B - Nguyễn Đình Thi

C - Đoàn Thị Lam Luyện

D - Lâm Thị Mỹ Dạ

Câu hỏi 5: Trong câu thơ “Sao đang vui vẻ ra buồn bã/ Vừa mới quen nhau đã lạ lòng.” có những từ trái nghĩa nào?

- A - Vui – buồn
B - Mới – đã
C - Vui vẻ - buồn bã và quen – lạ lòng
D - Đang vui – đã lạ lòng

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, những từ nào là từ láy?

- A - Bạn bè, bạn đường, bạn đọc
B - Hư hỏng, san sẻ, gấn bó
C - Thật thà, vui vẻ, chăm chỉ
D - Giúp đỡ, giúp sức

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào chỉ trạng thái yên ổn, tránh được rủi ro, thiệt hại?

- A - an toàn
B - an ninh
C - an tâm
D - an bài

Câu hỏi 8: Trong đoạn thơ sau, có những cặp từ trái nghĩa nào?

"Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa"

- A - Bay, sa, thoảng
B - Trong- đục
C - Trong - đục, khoan – mau
D - Sa nửa vời – mau sầm sập

Câu hỏi 9: Từ "ông" trong câu” Thời gian như lắng đọng khi ông mãi lặng yên đọc đi, đọc lại những dòng chữ nguệch ngoạc của con mình” thuộc loại từ gì?

- A - đại từ
B - động từ
C - danh từ
D - tính từ

Câu hỏi 10: Trong các câu sau, câu nào có từ “bà” là đại từ?

- A - Bà Lan năm nay 70 tuổi.
B - Bà ơi, bà có khỏe không?
C - Tôi về quê thăm bà tôi.
D - Tiếng bà dịu dàng và trầm bổng.

Bài 5 – Trắc nghiệm 2

Câu 1: Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây mang nghĩa: “Còn ngậy thơ đại đột, chưa biết suy nghĩ chín chắn.”?

- a/ Trẻ người non dạ
b/ Trẻ non dễ uốn
c/ Trẻ già măng mọc
d/ Trẻ cậy cha, già cậy con

Câu 2: Từ 3 tiếng “thương, yêu, tình” có thể tạo được bao nhiêu từ ghép?

- a/ 2 từ
b/ 3 từ
c/ 4 từ
d/ 5 từ

Câu 3: Bằng cách nào Giang Văn Minh buộc vua Minh phải bỏ lệ "góp giỗ Liễu Thăng" trong bài "Trí dũng song toàn"?

- a/ đe dọa vua Minh
b/ cầu xin vua Minh
c/ đấu lí với vua Minh
d/ khóc lóc với vua Minh

Câu 4: Đoạn thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

“Rồi đến chị rất thương
Rồi đến em rất thảo
Ông lành như hạt gạo
Bà hiền như suối trong..”

(Theo Trúc Thông)

- a/ so sánh và nhân hóa b/ nhân hóa và đảo ngữ
c/ điệp từ và so sánh d/ điệp từ và nhân hóa

Câu 5: Giải câu đố sau:

Thái sư mưu lược muôn phần
Công lao to lớn, nhà Trần dựng xây?

Đó là ai?

- a/ Lý Công Uẩn b/ Trần Thủ Độ c/ Trần Hưng Đạo d/ Lê Hoàn

Câu 6: Những câu thơ sau trong bài thơ nào?

“Sau khi qua Đèo Gió
Ta lại vượt Đèo Giàng
Lại vượt qua Cao Bắc
Thì ta tới Cao Bằng..”

- a/ Trước công trời (Nguyễn Đình Ảnh) c/ Cao Bằng (Trúc Thông)
b/ Chú ở bên bác Hồ (Dương Huy) d/ Chú đi tuần (Trần Ngọc)

Câu 7: Dòng nào dưới đây có toàn bộ các từ viết sai chính tả?

- a/ sắc suất, sẵn xàng, sạch xê b/ chạm trở, xúng xính, sửa soạn
c/ sơ suất, sóng xanh, xa xôi d/ xô số, xớm xùa, rồi dãi

Câu 8: Câu văn sau có một quan hệ từ chưa dùng đúng. Đó là từ nào?

“Tắm chăm chỉ, hiền lành nên Cám thì lười biếng, độc ác.

- a/ tuy b/ nên c/ nhưng d/ của

Câu 9: Trong các câu sau, câu nào là câu ghép?

a/ Bình yêu nhất đôi bàn tay mẹ.

b/ Sau nhiều năm xa quê, giờ trở về, nhìn thấy con sông đầu làng, tôi muốn giang tay ôm dòng nước để trở về với tuổi thơ.

c/ Mùa xuân, hoa đào, hoa cúc, hoa lan đua nhau khoe sắc.

d/ Bà ngừng nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng nhìn cháu âu yếm và mến thương.

Câu 10: Thành ngữ nào dưới đây nói về truyền thống thương thân tương ái của nhân dân ta?

- a/ Lá lành đùm lá rách b/ Một nắng hai sương
c/ Người ta là hoa đất d/ Chị ngã em nâng

ĐỀ 4

Bài 1: Phép thuật mèo con

Vàng	Nhà	Mây	Vân	Lâu
Trạch	Gác	Thạch	Giám	úa
Hèo	Kim	Gió	Héo	đá
Rồ	Bớt	Phong	Gậy	Tỏ

Đáp án:

.....
.....
.....
.....

Bài 2 – HỒ con thiên tài

Câu 1: nói/nghiêng/Dù/ngà/nói/ai

Câu 2: ban/.bùng/hoa/Bập/chuối,/màu/trắng/hoa

Câu 3: nhà/ba,/lên/học/cả/Trẻ/nói.

Câu 4: muối/Chát/ngọt/trong/hòa/vị

Câu 5: mẹ/nằm,/chỗ/trớt/Chỗ/ráo/lăn/con./.

Câu 6: giàn/Tuy/khác/giống/chung/nhưng/một/chung

Câu 7: mưu/.dùng/yếu/sức,/dùng/Mạnh

Câu 8: đường/ngà/bát/ngát/Những

Câu 9: trắng/.ai/Thuyền/lóa/lấp/đêm

Câu 10: thấp/núi/chê/đất/Núi/ngồi/đâu/ở./.

Bài 3 – Điền từ

Câu 1: Giải câu đố:

“Mùa này lạnh lắm ai ơi,
Có nặng thì ở tít nơi núi rừng.
Nặng đi huyền chạy tới cùng,
Thành ra kim loại thường dùng đúc chuông.”

Từ để nguyên là từ gì?

Trả lời: từ

Câu 2: Giải câu đố:

“Mắt đuôi nghe tiếng vang trời,
Mắt đầu thì ở trên cành cây cao.
Chấp đuôi chấp cả đầu vào,
Ở trên mặt nước không bao giờ chìm.”

Từ để nguyên là từ gì?

Trả lời: từ

Câu 3: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "Hẹp nhà bụng"

Câu 4: Giải câu đố:

Mắt đầu thì trời sắp mưa,
Mắt đuôi sạch gạo tối trưa thường làm.
Chấp đuôi chấp cả đầu vào,
Ở trên mặt nước không bao giờ chìm.”

Từ để nguyên là từ gì?

Trả lời: từ

Câu 3: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "Hẹp nhà bụng"

Câu 4: Giải câu đố:

Mắt đầu thì trời sắp mưa,
Mắt đuôi sạch gạo tối trưa thường làm.
Chấp đuôi chấp cả đầu vào,
Xông vào mặt trận đánh tan quân thù.

Từ để nguyên là từ gì?

Trả lời: từ

Câu 5: Điền từ phù hợp vào chỗ trống:

“Chuồn chuồn bay thấp, mưa ngập bờ ao
Chuồn chuồn bay cao, mưa lại tạnh.”

Câu 6: Giải câu đố:

Không dẫu như thê là bung,
Nặng là bực gỗ, ngã dùng thối hơi
Sắc là biết ăm em rồi,
Hỏi đồ vật rớt, vỡ toi còn gì?

Từ không có dẫu là từ gì?

Trả lời: từ

Câu 7: Giải câu đố:

Đề nguyên lấp lánh trên trời,
Bớt đầu thành chỗ cá bơi hằng ngày.

Từ đề nguyên là

Câu 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Có câu chuyện được kể trong bài "Thái sư Trần Thủ Độ".

Câu 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì lấy thầy.

Câu 10: Giải câu đố:

Không dẫu việc của thợ may,
Huyền vào giúp khách hàng ngày qua sông.
Hỏi vào rục rờ hơn hồng,
Đội nón thêm ngã vui lòng mẹ cha.

Từ có dẫu huyền là từ gì?

Trả lời: từ

Bài 4: Trắc nghiệm 1.

Câu hỏi 1: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Cơn bão dữ dội, bất ngờ nổi lên. Những đợt sóng khủng khiếp phá thủng thân tàu, nước..... vào khoang như vòi rồng.” (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.133)

A - ập B – cháy C – phun D – xối

Câu hỏi 2: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Những vùng cây xanh bỗng òa tươi trong nắng sớm. Ánh đèn từ muôn vòm ô vuông cửa sổ đi rất nhanh và thừa thốt tất.” (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr. 132)

A – tan B – loăng C – lan D – thoảng

Câu hỏi 3: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Hà Nội có chong chóng
Cứ tự quay trong nhà
Không cần trờigió
Không cần bạn chạy xa.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.37)

A – nổi B – gom C – đôi D – góp

Câu hỏi 4: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Bọn trẻ xua xua tay vào ngọn khói và hát câu đồng dao cổ nghe vui tai:

Khói vềăn cơm với cá

Khói vềlấy đá chập đầu.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr .104)

A – rứa – ri B – ni – tê C – tê – ni D – ri – rứa

Câu hỏi 5: Chọn cặp từ đồng nghĩa phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Rồi đến chị rất thương

Rồi đến em rất thảo

Ôngnhư hạt gạo

Bà như suối trong.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.41)

A – đẹp – tốt B – hiền – lành C – lành – hiền D – tốt – đẹp

Câu hỏi 6: Chọn các từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Trai mà chi, gái mà chi

Sinh con có có là hơn.”

A – đạo – hiếu B – nghĩa – tình C – nghĩa – ngì D – nghĩa – nghi

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “.....mỡ gà, ai có nhà thì chông”

A – Ráng B – Vàng C – Mây D – Năng

Câu hỏi 8: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Bờibác mẹ tôi nghèo

Cho nên tôi phải bằm bèo, thái khoai.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.33)

A – tại B – vì C – chung D – chưng

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Từ đầu thế kỉ XIX đến sau năm 1945, ở một số vùng, người ta mặc áo dài kể cả khi lao động nặng nhọc. Áo dài phụ nữ có hai loại: áo và áo.....” (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.122)

A – tứ thân – tám thân B – tứ thân – năm thân

C – tân thời – cách tân D – mớ ba – mớ bảy

Câu hỏi 10: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Nhấttinh nhất thân vinh.”

A – nghiệp B – đại C – nghề D – nghệ

Bài 5: Trắc nghiệm 2

Câu hỏi 1: Lưu lại đã lâu không giải quyết, xử lí được là nghĩa của từ nào?

A – lưu vong B – lưu bút C – lưu giữ D – lưu cữu

Câu hỏi 2: Đây là tên kinh đô thứ hai của nhà TRẦN, nơi đây còn được gọi là Thành Nam?

- A – Hà Nam B – Nam Định C – Nam Hà D – Thái Bình

Câu hỏi 3: Ai là tác giả của bài đọc: “Lập làng giữ biển”? (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.36)

- A – Hữu Mai B – Nguyễn Đông Chi
C – Trần Nhuận Minh D – Đoàn Minh Tuấn

Câu hỏi 4: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Vượt hai con sông hùng vĩ của miền Bắc, qua đất núi nhu nhú như chín mươi chín cái bánh bao tày đình, băng qua dãy Hoàng Liên Sơn hiểm trở, chọc thủng xong mấy dặm sương mù buốt óc thì lồ lộ bên phải là đỉnh Phan - xi - păng.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.58)

- A – Sa Pa B – Tam đường C – Ô Quy Hồ D – Mơ – nông

Câu hỏi 5: Tiếng “nữ” không thể đứng sau cụm từ nào?

- A – xe đạp..... B – thi sĩ C – bóng đá D – bệnh nhân ...

Câu hỏi 6: Ai là tác giả của bài đọc “Chú đi tuần”? (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.52)

- A – Đào Nguyên Bảo B – Trần Ngọc
C – Hữu Mai D – Quang Huy

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Tiếng động cơ nổ giòn. Chưa đầy nửa giờ sau, anh đã hòa lẫn vào dòng người giữa phố phường

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.62)

- A – huyên náo B – tấp nập C – náo nhiệt D – đông đúc

Câu hỏi 8: Cặp quan hệ từ nào phù hợp với chỗ trống trong câu sau:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng
..... rằng khác giống chung một giàn.”

- A – Vì – nên B – Tuy – nhưng
C – Không những – mà còn D – Nếu – thì

Câu hỏi 9: Trạng ngữ trong câu: “Bằng một giọng thân tình, thầy khuyên chúng em gắng học bài, làm bài tập đầy đủ.” là trạng ngữ chỉ gì?

- A – nơi chốn B – nguyên nhân C – phương tiện D – thời gian

Câu hỏi 10: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Đường tuần tra lên chóp Hai ngàn
Gió vù vù quất ngang cành bứa
Trông xa xa ánh lửa
Vật vờ đầu súng sương sa.

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.48)

- A – bập bùng B – lập lòe C – nhấp nhòe D – rùng rục